

Số: 1170/QĐ- LĐTĐBXH

Hà nội, ngày 08 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược  
phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045  
của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;*

*Thực hiện Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.


**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để thực hiện),
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Công thông tin điện tử của Bộ (để đăng tải);
- Lưu VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Bá Hoan**



**KẾ HOẠCH  
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM  
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045  
CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **110**/QĐ-LĐTĐ ngày **08** tháng **8** năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Bộ, ngành Lao động – Thương binh và Xã hội theo Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Quyết định số 2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ); Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Kế hoạch số 1271 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

### **2. Yêu cầu**

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Quyết định số 2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ cụ thể nêu trong Kế hoạch số 1271 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; triển khai các nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn hoạt động thống kê của Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phân công rõ trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đối với từng nhiệm vụ.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác thống kê của Bộ, ngành**

#### **1.1. Hoàn thiện thể chế**

a) Xây dựng Thông tư quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thay thế Thông tư số 01/2018/TT-LĐTĐ ngày 27/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Xây dựng Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động – Thương binh và Xã hội thay thế Thông tư số 15/2019/TT-LĐTĐ ngày 18/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Nghiên cứu, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong công tác thống kê, chia sẻ dữ liệu và thông tin thống kê.

### **1.2. Đổi mới, kiện toàn tổ chức làm công tác thống kê ở Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

Củng cố, kiện toàn tổ chức Thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định; tăng cường cố nhân lực đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thống kê tại các đơn vị thuộc Bộ.

### **1.3. Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác thống kê của Bộ, ngành**

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hợp tác, liên kết với các tổ chức trong nước và quốc tế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê.

## **2. Áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê theo quy định của Tổng cục Thống kê**

### **2.1. Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê**

Rà soát, sửa đổi bổ sung các tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng theo quy định của Tổng cục Thống kê đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý của Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **2.2. Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê (sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành đồng bộ các quy trình sản xuất thông tin thống kê).**

Triển khai, điều chỉnh các hoạt động thống kê của Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê được ban hành.

a) Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê.

b) Áp dụng quy trình sản xuất thông tin thống kê tiên tiến vào hoạt động thống kê trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **3. Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu**

### **3.1. Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu**

a) Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý dữ liệu thống kê. Nâng cấp các phần mềm thống kê, phần mềm quản lý nghiệp vụ đang sử dụng trong Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Liên thông, trích xuất dữ liệu thống kê từ các cơ sở dữ liệu hành chính và các phần mềm quản lý nghiệp vụ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý

nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với Phần mềm thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Nghiên cứu, xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê.

d) Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở về lĩnh vực Thống kê của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê Lao động - Thương binh và Xã hội.

### ***3.2. Hiện đại hóa hoạt động quản trị dữ liệu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.***

a) Nghiên cứu áp dụng mô hình, công nghệ quản trị dữ liệu thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tập trung.

b) Xây dựng và triển khai thực hiện hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ, ngành.

## **4. Phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê**

### ***4.1. Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội***

a) Nâng cao chất lượng nhân sự làm công tác thống kê thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hoạt động phân tích, dự báo thống kê thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng về phân tích, dự báo thống kê do Tổng cục Thống kê hoặc các cơ sở đào tạo khác tổ chức.

b) Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

### ***4.2. Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê***

a) Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được ban hành.

b) Đổi mới, hoàn thiện nội dung biên soạn thông tin thống kê phục vụ công tác quản lý chỉ đạo, điều hành của Bộ.

### ***4.3. Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội***

### ***4.4. Đa dạng hóa hoạt động phổ biến thông tin thống kê***

a) Xây dựng Tài liệu Phổ biến thông tin thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội theo các chỉ tiêu thống kê.

b) Duy trì và nâng cao chất lượng xây dựng Niên giám thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Phổ biến thông tin thông kê trên các phương tiện truyền thông: Cổng Thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,....

### **5. Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê**

Xây dựng và thực hiện Đề án tư liệu hóa, chuyển đổi số trong hệ thống thống kê Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

**6. Xây dựng, cập nhật; theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết Kế hoạch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (CLTK21-30) và tăng cường kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê.**

6.1. Xây dựng, cập nhật Kế hoạch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện CLTK21-30.

6.2. Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

6.3. Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện Kế hoạch; Sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6.4. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê tại các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này)*

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm thực hiện**

- Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định này, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp tình hình thực hiện, kịp thời đề xuất phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

- Trung tâm Công nghệ Thông tin có trách nhiệm đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai công tác thống kê theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

### **2. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Phụ lục

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THÔNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

CUA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-LĐTBXH ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)



| STT | Nội dung công việc  | Cơ quan thực hiện |                          | Thời gian thực hiện |                      | Sản phẩm chính  |
|-----|---|-------------------|--------------------------|---------------------|----------------------|---|
|     |   | Chủ trì           | Phối hợp                 | Thời gian bắt đầu   | Thời gian hoàn thành |   |
| (A) | (B)   | (D)               | (E)                      | (F)                 | (G)                  | (H)   |
| 1   | Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực  |                   |                          |                     |                      |   |
| 1.1 | Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 01/2018/TT-LĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội | Vụ KHTC           | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ |                     | 2023                 | Thông tư Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động – Thương binh và Xã hội được ban hành và đưa vào áp dụng |
| 1.2 | Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 15/2019/TT-BLĐTBXH ngày 18/9/2019 quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội  | Vụ KHTC           | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ |                     | 2023-2024            | Thông tư Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động – Thương binh và Xã hội được ban hành và đưa vào áp dụng    |

| STT | Nội dung công việc  | Cơ quan thực hiện |                          | Thời gian thực hiện |                      | Sản phẩm chính  |
|-----|---|-------------------|--------------------------|---------------------|----------------------|---|
|     |   | Chủ trì           | Phối hợp                 | Thời gian bắt đầu   | Thời gian hoàn thành |   |
| (A) | (B)   | (D)               | (E)                      | (F)                 | (G)                  | (H)   |
| 1.3 | Cập nhật, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn công tác thống kê chuyên ngành   | Vụ KHTC           | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | Hàng năm            | Hàng năm             | Sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn công tác thống kê chuyên ngành của các bộ, ngành   |
| 1.4 | Xây dựng, Quy chế phối hợp giữa Bộ và Tổng cục thống kê về chia sẻ dữ liệu và thông tin thống kê  | Vụ KHTC           | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ |                     | 2024                 | Quy chế phối hợp giữa Bộ và Tổng cục Thống kê, về chia sẻ dữ liệu và thông tin thống kê được ban hành                           |
| 1.5 | Kiến toàn mô hình tổ chức đối với tổ chức thống kê của Bộ   | Vụ TCCB           | Vụ KHTC, TTTT            | 2023                | 2030                 | Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức thống kê Bộ được ban hành phù hợp với quy định |
| 1.6 | Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp. Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin | Vụ TCCB, Vụ KHTC  | Các đơn vị thuộc Bộ      | Hàng năm            | Hàng năm             |   |

| STT | Nội dung công việc   | Cơ quan thực hiện |                          | Thời gian thực hiện |                      | Sản phẩm chính   |
|-----|--|-------------------|--------------------------|---------------------|----------------------|--|
|     |  | Chủ trì           | Phối hợp                 | Thời gian bắt đầu   | Thời gian hoàn thành |  |
| (A) | (B)  | (D)               | (E)                      | (F)                 | (G)                  | (H)  |
| 1.7 | Phổ biến, tập huấn   | Vụ KHTC, TTCNTT   | Các đơn vị thuộc Bộ      | Hàng năm            | Hàng năm             | Tuyên truyền qua Web, báo chí, xây dựng niên giám thống kê hàng năm, tập huấn nghiệp vụ, hội nghị, hội thảo,...  |
| 2   | Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê                    |                   |                          |                     |                      |  |
| 2.1 | Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành                                 | Vụ KHTC           | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | 2026                | 2030                 | Tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành được áp dụng thống nhất toàn ngành   |
| 2.2 | Hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành | Vụ KHTC           | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | 2026                | 2030                 | Quy trình sản xuất thông tin thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành được áp dụng thống nhất toàn ngành   |
| 2.3 | Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê  | Vụ KHTC           | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | 2023                | 2025                 | Xác định và giao nhiệm vụ cụ thể đối với các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trọng tâm do Bộ quản lý (bao gồm nội dung, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo ngắn hạn, trung và dài hạn) |
| 3   | Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu   |                   |                          |                     |                      |  |



| STT | Nội dung công việc   | Cơ quan thực hiện                          |                                | Thời gian thực hiện |                      | Sản phẩm chính   |
|-----|--|--|--------------------------------|---------------------|----------------------|--|
|     |  | Chủ trì                                    | Phối hợp                       | Thời gian bắt đầu   | Thời gian hoàn thành |  |
| (A) | (B)  | (D)  | (E)                            | (F)                 | (G)                  | (H)  |
| 3.1 | Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê  | TTCNTT,<br>Các đơn vị<br>QLNN<br>thuộc Bộ  | Vụ KHTC                        | 2023                | 2030                 | - Xây dựng các phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê;<br>- Thí điểm điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.   |
| 3.2 | Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong việc thu thập (bao gồm cả các cuộc điều tra cơ bản), xử lý thông tin thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê | Vụ KHTC,<br>Các đơn vị<br>QLNN<br>thuộc Bộ | Các đơn vị<br>QLNN thuộc<br>Bộ | 2023                | 2030                 | - Xây dựng Hệ thống xử lý thông tin thống kê; các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê.                           |
| 3.3 | Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê   | Vụ KHTC,<br>Các đơn vị<br>QLNN<br>thuộc Bộ | Các đơn vị<br>QLNN thuộc<br>Bộ | 2023                | 2030                 | Các cơ sở dữ liệu được xây dựng, chuẩn hoá, cập nhật và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định. Việc thống kê được thực hiện tự động hoá, gắn liền với quy trình thu thập, cập nhật dữ liệu. |
| 3.4 | Xây dựng và triển khai Đề án, Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành   | Các đơn vị<br>QLNN<br>thuộc Bộ             | Vụ KHTC,<br>TTCNTT             | 2023                | 2030                 |  |

| STT | Nội dung công việc   | Cơ quan thực hiện    |                          | Thời gian thực hiện |                      | Sản phẩm chính  |
|-----|--|----------------------|--------------------------|---------------------|----------------------|---|
|     |  | Chủ trì              | Phối hợp                 | Thời gian bắt đầu   | Thời gian hoàn thành |   |
| (A) | (B)  | (D)                  | (E)                      | (F)                 | (G)                  | (H)   |
| 3.5 |  |                      |                          |                     |                      |   |
| 4   | Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê                                |                      |                          |                     |                      |   |
| 4.1 | Nghiên cứu khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại                     | Vụ KHTC, Viện KHLĐXH | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | 2023                | 2030                 | Khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê hiện đại được nghiên cứu và đề xuất áp dụng |
| 4.2 | Tăng cường nghiên cứu, áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại | Vụ KHTC, Viện KHLĐXH | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | 2023                | 2030                 |   |
| 4.3 | Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê   |                      |                          |                     |                      |   |

| STT   | Nội dung công việc  | Cơ quan thực hiện        |                          | Thời gian thực hiện |                      | Sản phẩm chính   |
|-------|---|--------------------------|--------------------------|---------------------|----------------------|--|
|       |   | Chủ trì                  | Phối hợp                 | Thời gian bắt đầu   | Thời gian hoàn thành |  |
| (A)   | (B)   | (D)                      | (E)                      | (F)                 | (G)                  | (H)  |
| 4.3.1 | Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo KTXH tháng, quý, năm theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | Vụ KHTC                  | 2023                | 2030                 | Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành   |
| 4.3.2 | Cập nhật, hoàn thiện, đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê phục vụ công tác quản lý chỉ đạo, điều hành của Bộ, các cuộc họp của Lãnh đạo Bộ      | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | Vụ KHTC                  | 2023                | 2030                 | Thông tin thống kê được trình bày đa dạng (biểu đồ, đồ thị, lời văn phân tích, âm thanh, hình ảnh,...) dưới dạng số, truy cập thuận lợi qua các thiết bị thông minh  |
| 4.3.3 | Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê  | Vụ KHTC                  | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | 2023                | 2030                 | - Số lượng các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn đầy đủ chi tiết;<br>- Năm 2025: 85% các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn và công bố theo tiêu chuẩn thống kê Việt Nam;<br>- Năm 2030: 95%. |
| 4.4   | Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê   | TTCNTT, Vụ KHTC          | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | 2023                | 2030                 | Phổ biến thông tin thống kê đa dạng dưới nhiều hình thức; xây dựng và đưa vào hoạt động phần mềm khai thác thông tin thống kê; phân tích số liệu   |

| STT | Nội dung công việc  | Cơ quan thực hiện        |                          | Thời gian thực hiện |                      | Sản phẩm chính  |
|-----|---|--------------------------|--------------------------|---------------------|----------------------|---|
|     |   | Chủ trì                  | Phối hợp                 | Thời gian bắt đầu   | Thời gian hoàn thành |   |
| (A) | (B)   | (D)                      | (E)                      | (F)                 | (G)                  | (H)   |
|     |   |                          |                          |                     |                      | thống kê theo các chuyên đề trọng điểm tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng  |
| 5   | Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê                |                          |                          |                     |                      |   |
| 5.1 | Xây dựng và thực hiện Đề án chuyển đổi số trong hệ thống thống kê bộ, ngành | TTCNTT, Vụ KHTC          | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | 2023                | 2030                 | Quyết định phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong hệ thống thống kê bộ, ngành  |
| 5.2 | Tư liệu hóa các hoạt động thống kê  | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | Vụ KHTC                  | 2023                | 2030                 | - Quy trình tư liệu hóa các hoạt động thống kê được chuẩn hóa;<br>- Xây dựng cơ sở dữ liệu để số hóa; đưa thông tin, lưu trữ thông tin; |
| 6   | Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế          | Vụ KHTC, Vụ HTQT         | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | Hàng năm            | Hàng năm             |   |
| 7   | Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động triển khai chiến lược thống kê  | Vụ KHTC                  | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | Hàng năm            | Hàng năm             |   |

| STT | Nội dung công việc  | Cơ quan thực hiện |                          | Thời gian thực hiện |                      | Sản phẩm chính |
|-----|---|-------------------|--------------------------|---------------------|----------------------|----------------|
|     |   | Chủ trì           | Phối hợp                 | Thời gian bắt đầu   | Thời gian hoàn thành |                |
| (A) | (B)   | (D)               | (E)                      | (F)                 | (G)                  | (H)            |
| 8   | Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê | Vụ KHTC           | Các đơn vị QLNN thuộc Bộ | Hàng năm            | Hàng năm             |                |